

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **43/2021/HS-ST**

Ngày: 28-12-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Thạch Hải Âu**.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Lê Văn Thường**.

Bà **Trần Thị Thu Thảo**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Tiến** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Họ tên: Trương Quốc D**, sinh năm 1994. Nơi sinh: Long An. Nơi cư trú: Ấp LA, xã LT, huyện CT, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quốc D1 và bà Phan Thị Phương H; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị cáo có vợ tên Lê Thị Kim H1 và một người con tên Trương Ngọc Gia Ng, sinh năm 2019; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07 tháng 7 năm 2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ tên: Nguyễn Thanh N** (tên gọi khác: **C. E**), sinh năm 1999. Nơi sinh: Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp ST, xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 8/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Kim Th; bị cáo có một người em ruột, bị cáo là con lớn trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07 tháng 7 năm 2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. Họ tên: Nguyễn Tuấn B**, sinh ngày 21/8/2003. Nơi sinh: Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp ST, xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh P và bà Phạm Thị T1, anh, chị, em ruột có một người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07 tháng 7 năm 2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**4. Họ tên: Lương Thành P1**, sinh năm 2000. Nơi sinh: Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp ST, xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Kiểng P1 và bà Nguyễn Thị Kim X, bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07 tháng 7 năm 2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**5. Họ tên: Lê Thị Kim H1**, sinh năm 1997. Nơi sinh: Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp LA, xã LT, huyện CT, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Vô danh; bị cáo có chồng tên Trương Quốc D và một người con tên Trương Ngọc Gia Ng, sinh năm 2019; Tiền án: không; Tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Đoàn Thị Hồng H2, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Ấp LT, xã LA, huyện C, tỉnh Tiền Giang. *(có mặt)*

+ Lê Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 2005. Nơi cư trú: Khu phố PT, thị trấn TV, huyện CT, tỉnh Long An. *(có mặt)*

*Người giám hộ cho Lê Nguyễn Ngọc T2:* Chị Lê Thị Y, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Khu phố PT, thị trấn TV, huyện CT, tỉnh Long An.

+ Chị Lê Thị Y, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Khu phố PT, thị trấn TV, huyện CT, tỉnh Long An. *(có mặt)*

+ Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp TQ, xã THT, huyện T, tỉnh Tiền Giang. *(vắng mặt)*

+ Chị Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp ST, xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. *(có mặt)*

- *Người tham gia tố tụng khác:*

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn B: Bà **Lê Thị Mỹ H3** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang. (có mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 14 giờ ngày 20/6/2021, Trương Quốc D rủ Nguyễn Thanh N cùng đi hát karaoke và sử dụng ma túy. D và N thống nhất mua ma túy với số tiền 3.500.000 đồng. Cả hai thống nhất N sẽ ứng tiền ra mua ma túy trước, sau khi đi hát và sử dụng ma túy xong sẽ cùng nhau góp tiền lại trả cho N. Do thời điểm dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, các quán karaoke không được phép hoạt động nên D nhắn tin cho Lê Thị Kim P2, sinh năm 2001, nơi cư trú: Khu phố PT, thị trấn TV, huyện CT, tỉnh Long An hỏi P2 “*Có biết quán karaoke nào còn mở cửa không*”, P2 trả lời “*Còn quán karaoke TT ở TP*” và cho D địa chỉ quán.

Sau khi nhắn tin với D thì N đưa nội dung tin nhắn cho Nguyễn Tuấn B xem và rủ B cùng đi hát karaoke và sử dụng ma túy, B đồng ý.

Đồng thời thì trước đó N đã nhắn tin cho Đoàn Thị Hồng H2, sinh năm 2002, nơi cư trú: Ấp LT, xã LA, huyện C, tỉnh Tiền Giang rủ H2 đi hát karaoke và sử dụng ma túy, N hứa sẽ trả tiền thay cho H2 thì H2 đồng ý.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, trong lúc đi ăn cùng với Lê Thị Kim H1 (vợ D) và Lê Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 2005, nơi cư trú: Khu phố PT, thị trấn TV, huyện CT, tỉnh Long An ở thị trấn TV thì D rủ H1 cùng đi hát karaoke và sử dụng ma túy, H1 đồng ý. T2 nghe nói là đi hát karaoke nên xin đi theo, D và H1 đồng ý. H1 sử dụng mạng xã hội Facebook tên “*Lê Thị Kim H1*” nhắn tin cho tài khoản tên “*Huỳnh Ngọc Gia Q*” hỏi mua ma túy, loại Ketamine với giá 3.000.000 đồng. “*Huỳnh Ngọc Gia Q*” hẹn giao ma túy trước quán ăn “LP” thuộc P5, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, N đến nhà Lượng Thành P1 uống bia cùng với P1 và H2. Tại đây, N rủ P1 đi hát karaoke và hùn tiền mua ma túy sử dụng, P1 đồng ý. Trong lúc đang ở nhà P1 thì D nhắn tin kêu N đi lấy ma túy. Tuy nhiên do không biết đường nên N rủ B đi cùng.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì N điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B4 – 837.07 đến để B chở đến thành phố MT để đi mua ma túy. Khi đến trước quán ăn LT thì gặp 01 thanh niên (chưa rõ họ tên và địa chỉ) do “*Huỳnh Ngọc Gia Q*” hẹn trước để nhận ma túy nên N đưa số tiền 3.500.000 đồng. Đối tượng này đưa gói nilong có chứa ma túy cho B bỏ vào túi quần. Sau đó, B điều

khởi xe chở N về. Trên đường về, do trời mưa nên B đưa lại gói ma túy cho N giữ. Khoảng 22 giờ cùng ngày, N và B về đến ngã ba HT thuộc xã TLT, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì nhắn tin cho D và P1. D điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 71B3-680.92 chở H1, T2 điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 62K1-402.46; P1 điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63S6-5678 chở H2 đến ngã 3 HT để gặp N và B.

Sau đó, H2 sang đi cùng xe với N, P1 chở B cùng D, H1, T2 đi đến quán karaoke “TT” do chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1991 làm chủ tại ấp TQ, THT, huyện TP, Tiền Giang để hát karaoke và cùng sử dụng ma túy.

Khi đến quán, nhóm của D vào phòng hát số 02. Tại đây, N lấy gói nilong chứa ma túy ra để trên bàn. P1 dùng đầu lọc thuốc lá và tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng quấn thành hình ống hút. Sau đó, P1 lấy gói ma túy mà N để trên bàn đổ ra đĩa sứ màu trắng và dùng hột quẹt nầu (đốt) số ma túy nêu trên rồi cùng với D, N, B, H1, T2, H2 sử dụng.

Khoảng 03 giờ ngày 21/6/2021, Tổ công tác Công an huyện TP phối hợp Công an xã THT kiểm tra quán karaoke “TT” phát hiện số ma túy trên nên tiến hành lập biên bản vụ việc, thu giữ, niêm phong vật chứng có liên quan bàn giao Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện TP xử lý theo thẩm quyền. Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo D, N, B, P1 và H1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Kết luận giám định số 122/KLGD-PC09 ngày 23/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,2738 gam, loại Ketamine.

Đối với đối tượng có tài khoản Facebook “Huỳnh Ngọc Gia Q” và thanh niên (chưa rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) là người bán ma túy cho N, B: Đây là 02 đối tượng bán ma túy cho các bị cáo. Các bị cáo và 02 đối tượng nêu trên không quen biết, chỉ liên lạc với nhau thông qua mạng xã hội Facebook. Tuy nhiên, sau khi giao dịch kết thúc, bị can và đối tượng đã xóa các tin nhắn liên quan đến việc mua bán ma túy nên không thể tìm thấy người sử dụng mạng xã hội Facebook có tài khoản “Huỳnh Ngọc Gia Q” nêu trên. Tiến hành xác minh, trên địa bàn P5, thành phố MT, Tiền Giang không có đối tượng nào tên Huỳnh Ngọc Gia Q. Vì vậy, chưa thể xác định được nhân thân lai lịch của chủ tài khoản Facebook “Huỳnh Ngọc Gia Q” và thanh niên nêu trên. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh truy tìm, xử lý sau.

Đối với Lê Nguyễn Ngọc T2: Khi đi ăn cùng D và H1, T2 nghe D và H1 rủ nhau đi hát karaoke nên T2 xin đi cùng. T2 không biết việc cùng nhau mua

ma túy sử dụng, không góp tiền mua ma túy cùng nhau sử dụng. Khi đến quán karaoke TT, sau khi P1 nấu (dùng hột quet đốt) ma túy xong để trên bàn thì T2 tự lấy sử dụng, không ai rủ rê, ép buộc T2. T2 không biết số ma túy nêu trên là của ai, mua ở đâu, mua bao nhiêu tiền. Vì vậy, không xem xét xử lý đối với Lê Nguyễn Ngọc T2 về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Công an huyện TP ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 109 ngày 09/10/2021 đối với Lê Nguyễn Ngọc T2 về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, hình thức xử phạt “*Cảnh cáo*” do T2 chưa đủ 16 tuổi.

Đối với Đoàn Thị Hồng H2: H2 khai không biết việc góp tiền cùng nhau sử dụng ma túy, không góp tiền cùng các bị cáo Trương Quốc D, Nguyễn Thanh N, Lương Thành P1, Nguyễn Tuấn B và Lê Thị Kim H1 mua ma túy cùng sử dụng nên không xem xét xử lý đối với Đoàn Thị Hồng H2 về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Công an huyện TP ra quyết định xử phạt số: 110 ngày 09/10/2021 đối với Đoàn Thị Hồng H2 về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình, mức phạt tiền 750.000 đồng.

Đối với chủ quán Karaoke TT: Nguyễn Thị T3 và chồng là Phan Trọng N1, sinh năm 1994, nơi cư trú: ấp TT, xã THĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang không biết việc các đối tượng sử dụng ma túy trong phòng hát karaoke của mình, không tổ chức, chứa chấp cho các đối tượng nêu trên sử dụng ma túy tại quán karaoke TT nên không xem xét xử lý đối với T3, N1 về hành vi “*Tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy*”. Ngày 07/7/2021, UBND huyện TP ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1376/QĐ-XPVPHC đối với Nguyễn Thị T3 về hành vi “*Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng*” quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 12 Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, mức tiền phạt 15.000.000 đồng và hành vi “*Để cho người khác lợi dụng sử dụng chất ma túy trong khu vực mình quản lý*” quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, mức tiền phạt 7.500.000 đồng. Tổng mức phạt tiền là 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 16/7/2021, Nguyễn Thị T3 đã chấp hành xong Quyết định xử phạt nêu trên.

Đối với Lê Thị Kim P2: P2 chỉ cho Trương Quốc D biết địa chỉ của quán karaoke TT, P2 không biết việc các bị cáo mua và đem ma túy đến quán TT để sử dụng trái phép. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Lê Thị Kim P2.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) túi nilong trong suốt, có viền màu đỏ, kích thước (10 x 8,5) cm, bên trong chứa chất bột màu trắng được niêm phong trong phong bì màu trắng. Trên phong bì có chữ ký của đồng chí Nguyễn Hữu Đ (Trưởng Công an xã), Nguyễn Thanh N (đối tượng), Nguyễn Tuấn B (đối tượng) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: CÔNG AN XÃ THT – CÔNG AN HUYỆN TP – TỈNH TIỀN GIANG.

- 01 (một) túi nilong màu trắng, có viền màu xanh, kích thước (3x3,5) cm.
- 01 (một) đoạn ống hình trụ tròn có chiều dài 14,2 cm được làm từ vỏ đầu lọc thuốc lá và tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng.

- 01 (một) đĩa băng sứ màu trắng.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 71B3-680.92, hiệu JANUS, màu trắng xanh. Số khung: RLCSEC820JY086659, số máy E3Y8E086669 và 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 11 PROMAX, màu xanh đen, số IMEI1: 3538961039318323, số IMEI2: 353896109110886, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Thị Kim H1.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63S1-5678, hiệu XIONGSHI, màu xanh. Số khung: CH013DG\*013305\*, số máy: 1P52FMH\*013305\* và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu tím, số IMEI1: 866376046375975, số IMEI 2: 866376046375967, đã qua sử dụng thu giữ của Lương Thành P1.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63B4-837.07, hiệu VARIO, màu bạc đen. Số khung: MH1KF4122MK169553, số máy: KF41E2174170 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen, số IMEI1: 860621057182778, số IMEI 2: 860621057182760, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thanh N.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 62K1-402.46, hiệu VISION, màu đỏ nâu đen. Số khung: RLHJF5820KY020923, số máy: JF86E0257826 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XSMAX, màu vàng số IMEI1: 357267097768869, số IMEI2: 357267098212248, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Nguyễn Ngọc T2.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, số IMEI: 358193/10/255220/6, đã qua sử dụng thu giữ của Đoàn Thị Hồng H2.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen, số IMEI1:

864164042988039, số IMEI2: 864164042988021, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Tuấn B.

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng, số IMEI 353106103846240, số IMEI2: 353106103946826, đã qua sử dụng thu giữ của Trương Quốc D.

Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 71B3-680.92, hiệu JANUS, màu trắng. Số khung: RLCSEC820JY086659, số máy: E3Y8E086669 do Lê Thị Kim H1 đứng tên sở hữu. Qua điều tra xác định đây không phải là phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo H1.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63S1-5678, hiệu XIONGSHI, màu xanh. Số khung: CH013DG\*013305\*, số máy: 1P52FMH\*013305\*. Qua điều tra xác định xe này do bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1981, ĐKTT: Ấp ST, xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang (Mẹ ruột của P1) mua lại của chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1970, ĐKTT: Ấp ĐL, xã LBĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 20 và 21/6/2021, bị can Lượng Thành P1 điều khiển xe mô tô nêu trên đi đâu, làm gì bà X không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà X.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 62K1-402.46, hiệu VISION, màu đỏ nâu đen. Số khung: RLHJF5820KY020923, số máy: JF86E0257826 do chị Lê Thị Y, sinh năm 1981, ĐKTT: Khu Phố PT, thị trấn TV, huyện CT, tỉnh Long An (mẹ ruột T2) đứng tên sở hữu. Ngày 20 và 21/6/2021, Lê Nguyễn Ngọc T2 điều khiển xe mô tô nêu trên đi đâu, làm gì bà Y không biết Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà Y. Riêng 01 điện thoại di động hiệu IPHONE XS MAX, màu vàng, số IMEI1: 357267097768869, số IMEI2: 357267098212248, đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của Lê Nguyễn Ngọc T2. Qua điều tra xác định đây không phải là phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T2.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, số IMEI: 358193/10/255220/6, đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của Đoàn Thị Hồng H2. Qua điều tra xác định, đây không phải là phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H2.

Đối với các vật chứng còn lại, Viện kiểm sát nhân dân ra quyết định chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước để quản lý theo quy định.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKSTP ngày 25/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Phước để

xét xử đối với các bị cáo Trương Quốc D, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Tuấn B, Lương Thành P1 và Lê Thị Kim H1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Tại phiên tòa hôm nay:**

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trương Quốc D, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Tuấn B, Lương Thành P1 và Lê Thị Kim H1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm g Khoản 1 điều 249; Điều 17, Điều 38; Điều 47; Điều 48; Điều 50; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Quốc D từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn B 05 (năm) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù, bằng thời hạn tạm giam đến 06 (sáu) tháng tù; xử phạt bị cáo Lương Thành P1 05 (năm) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù, bằng thời hạn tạm giam đến 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Lê Thị Kim H1 từ tháng 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn B thống nhất với ý kiến luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt mà điều luật đã quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 54 và Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự xem xét xử bị cáo B dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, xử phạt bị cáo bằng với thời hạn bị cáo bị tạm giam như đại diện Viện kiểm sát vừa phát biểu.

- Các bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội làm lại cuộc đời, trở lại làm ăn chăm lo cho gia đình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.*



[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TP, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, của Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị T3 vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra chị T3 đã có lời khai đầy đủ, các bị cáo và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Đối với các đối tượng đã bán và giao ma túy cho H1 và N, B do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau là đúng quy định.

[4]. Đối với Lê Nguyễn Ngọc T2 và Đoàn Thị Hồng H2 cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là có căn cứ. Vì, T2 không biết việc các bị cáo hùn nhau mua ma túy sử dụng, không góp tiền mua ma túy. Khi đến quán karaoke TT, sau khi P1 nấu (dùng hột quẹt đốt) ma túy xong để trên bàn thì T2 tự lấy sử dụng, không ai rủ rê, ép buộc T2; H2 không biết việc góp tiền cùng nhau sử dụng ma túy, không góp tiền cùng các bị cáo mua ma túy để cùng sử dụng, do bị cáo N nói sẽ lo cho H2 nên H2 đồng ý đi cùng.

[5]. Đối với chủ quán Karaoke TT: Nguyễn Thị T3 và người trong coi quán là Phan Trọng N1 không biết việc các đối tượng sử dụng ma túy trong phòng hát karaoke của mình, không tổ chức, chứa chấp cho các đối tượng nêu trên sử dụng ma túy tại quán karaoke TT nên cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý về hành vi “*Tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy*” mà chỉ xử phạt hành chính là có căn cứ.

[6]. Đối với Lê Thị Kim P2: P2 chỉ cho Trương Quốc D biết địa chỉ của quán karaoke TT, P2 không biết việc các bị cáo mua và đem ma túy đến quán TT

để sử dụng trái phép. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Lê Thị Kim P2 là có cơ sở.

[7] *Về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo D, N, B, P1 và H1 đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Trương Quốc D, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Tuấn B, Lương Thành P1 và Lê Thị Kim H1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như bản Cáo trạng số 41/CT-VKSTP ngày 25/10/2021 truy tố các bị cáo theo Điểm g Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý Nhà nước đối với chất ma túy. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ý thức được tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước, chủ trương của Nhà nước là cấm tụ tập, tổ chức hoạt động các dịch vụ karaoke,...nhưng các bị cáo vẫn bất chấp, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, gây khó khăn cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta, mặt khác còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của chính các bị cáo, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Do đó, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi, vai trò phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo để có hình phạt tương xứng, nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[8]. *Xét vai trò đồng phạm trong vụ án:* Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ giữa các bị cáo. Trong đó, bị cáo D giữ vai trò khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị địa điểm; Bị cáo N tham gia tích cực, chuẩn bị tiền, phương tiện, trực tiếp đến nơi giao dịch mua ma túy; Bị cáo B dù không góp tiền mua ma túy nhưng là người thực hành tích cực, điều khiển xe chở bị cáo N đi mua ma túy, cất giấu ma túy để sử dụng; Bị cáo H1 là người trực tiếp liên lạc, thỏa thuận việc mua ma túy; Bị cáo P1 không tham gia bàn bạc, hùn tiền trước chỉ tham gia do bị cáo N rủ rê hùn tiền chơi ma túy. Do đó, vai trò của các bị cáo D, N, H sẽ cao hơn các bị cáo còn lại.

[9] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:*

[9.1]. *Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo D, N, B, P1 và H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[9.2]. *Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo D, bị cáo có ông nội là ông Trương Văn Đực E là Liệt sĩ hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, bản thân bị cáo là bộ đội phục viên từng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Đại đội bộ binh Mộc Hóa. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo D giữ vai trò chính, khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị địa điểm để các bị cáo sử dụng ma túy, nên bị cáo phải chịu hình phạt cao nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo N, bị cáo là công dân thực hiện nghĩa vụ dân quân tự vệ tại địa phương theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của UBND xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo N tuy là người chuẩn bị tiền, xe để đi mua ma túy nhưng bị cáo không khởi xướng, chuẩn bị địa điểm để phạm tội. Bị cáo mới phạm tội lần đầu, vai trò của bị cáo không đáng kể, do đó bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Đối với bị cáo H1, bị cáo có ông nội là ông Lê Văn T4 là người có công với cách mạng được Nhà nước phong tặng Huân chương kháng chiến chống Pháp và Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và bà nội là bà Nguyễn Thị S được Nhà nước trao tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, bản thân bị cáo đang trực tiếp nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo H1 là người trực tiếp liên hệ để thỏa thuận việc mua ma túy, tuy nhiên vai trò của bị cáo không đáng kể và là lần phạm tội lần đầu, do đó bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Đối với bị cáo B, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có ông nội là ông Nguyễn Văn B1 là người được hưởng chính sách như thương binh và ông

ngoại là ông Phạm Văn T5 là đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn tại địa phương theo xác nhận của UBND xã TBT ngày 28/10/2021. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội lần đầu vai trò của bị cáo không đáng kể, do đó bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Ngoài ra, khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 101 của Bộ luật Hình sự để xem xét mức hình phạt thích hợp dành cho bị cáo.

Đối với bị cáo P1, bị cáo là bộ đội phục viên từng thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, xuất ngũ ngày 18/01/2021. Trong vụ án này, bị cáo không tham gia bàn bạc, chuẩn bị gì, do trước đây các bị cáo đã từng tham gia hát karaoke và sử dụng ma túy chung nên khi bị cáo N rủ bị cáo đi thì bị cáo tham gia, đây là lần phạm tội lần đầu và vai trò của bị cáo không quan trọng, do đó bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[10]. *Về vật chứng của vụ án*: Ngoài các vật chứng đã được cơ quan cảnh sát điều tra xử lý là có căn cứ như đã nêu ở trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem, xét, tiếp tục xử lý những vật chứng mà Viện kiểm sát đã chuyển sang cơ quan thi hành án dân sự huyện TP quản lý, lưu trữ theo Biên bản về việc giao nhận, vật chứng tài sản ngày 19/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TP và Chi cục thi hành án dân sự huyện TP, gồm những vật chứng sau:

+ Đối với gói niêm phong chứa mẫu giám định, sau khi tiến hành giám định chất ma túy, vật chứng còn lại như sau: 01 (một) bì thư được niêm phong ký hiệu vụ số: 122 ghi ngày 23 tháng 6 năm 2021; có các chữ ký in họ tên: Nguyễn Thanh T6 (giám định viên), Nguyễn Quốc P3 (Trợ lý giám định), chữ ký ghi họ tên: Mai Long H (Bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG. Bên trong có 01 (một) gói nylon màu trắng được dán kín chứa 1,2123 gam là ma túy còn lại sau giám định, loại Ketamine và 01 (một) vỏ bao gói nylon màu trắng đã bị cắt một đầu để lấy mẫu giám định. Đây là chất cấm, cần tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là chất cấm theo quy định Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi nilong màu trắng, có viền màu xanh, kích thước (3x3,5) cm là tang vật trong vụ án, không có giá trị sử dụng.

+ 01 (một) đoạn ống hình trụ tròn có chiều dài 14,2 cm được làm từ vỏ đầu lọc thuốc lá và 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vỏ đầu lọc thuốc lá và tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng.

+ 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63B4-837.07, hiệu VARIO, màu bạc đen. Số khung: MH1KF4122MK169553, số máy: KF41E2174170 do Nguyễn Thanh N đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy vì đây là phương tiện dùng để phạm tội.

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu IPHONE XSMAX, màu vàng, số IMEI 353106103846240, số IMEI2: 353106103946826, đã qua sử dụng, đây là điện thoại của bị cáo D dùng để liên lạc bàn bạc với các bị cáo để thực hiện tội phạm nên cần thiết tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 11 PROMAX, màu xanh đen, số IMEI1: 3538961039318323, số IMEI2: 353896109110886, đã qua sử dụng, đây là điện thoại của bị cáo H1 dùng để liên lạc, thỏa thuận việc mua ma túy nên cần thiết tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu tím, số IMEI1: 866376046375975, số IMEI 2: 866376046375967, đã qua sử dụng, đây là điện thoại của bị cáo P1 dùng để liên lạc với các bị cáo để thực hiện tội phạm nên cần thiết tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen, số IMEI1: 860621057182778, số IMEI 2: 860621057182760, đã qua sử dụng, đây là điện thoại của bị cáo N dùng để liên lạc, bàn bạc với các bị cáo để thực hiện tội phạm nên cần thiết tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen, số IMEI1: 864164042988039, số IMEI2: 864164042988021, đã qua sử dụng, đây là điện thoại của bị cáo B dùng để liên lạc với các bị cáo để thực hiện tội phạm nên cần thiết tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Riêng 01 thẻ nhớ chứa video clip ghi hình có âm thanh khi tiến hành hỏi cung, đối chất các bị can cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[11]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[12]. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được thực hiện quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

[13]. Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14]. Xét lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn B là có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố các bị cáo: Trương Quốc D, Nguyễn Thanh N, Nguyễn T, Lượng Thành P1 và Lê Thị Kim H1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.**

- Áp dụng Điểm g Khoản 1 Điều 249; Điều 17, Điều 38; Điều 58; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Quốc D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/7/2021.

- Áp dụng Điểm g Khoản 1 Điều 249; Điều 17, Điều 38; Điều 58; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/7/2021.

- Áp dụng Điểm g Khoản 1 Điều 249; Điều 17, Điều 38; Điều 58; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim H1 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng Điểm g Khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 2 Điều 54 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299, Điều 327 và Khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn B 05 (năm) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam. Xem như bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Tuấn B ngay tại phiên tòa.

- Áp dụng Điểm g Khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299, Điều 327 và Khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Lượng Thành P1 05 (năm) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam. Xem như bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Lượng Thành P1 ngay tại phiên tòa.

## **2. Về vật chứng:**

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm:

+ 01 (một) bì thư được niêm phong ký hiệu vụ số: 122 ghi ngày 23 tháng 6 năm 2021; có các chữ ký in họ tên: Nguyễn Thanh T6 (giám định viên), Nguyễn Quốc P3 (Trợ lý giám định), chữ ký ghi họ tên: Mai Long H (Bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG. Bên trong có 01 (một) gói nylon màu trắng được dán kín chứa 1,2123 gam là ma túy còn lại sau giám định, loại Ketamine và 01 (một) vỏ bao gói nylon màu trắng đã bị cắt một đầu để lấy mẫu giám định.

+ 01 (một) túi nilong màu trắng, có viền màu xanh, kích thước (3x3,5) cm là tang vật trong vụ án, không có giá trị sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vỏ đầu lọc thuốc lá và tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng đối với 01 (một) đoạn ống hình trụ tròn có chiều dài 14,2 cm được làm từ vỏ đầu lọc thuốc lá và 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các vật chứng bao gồm:

+ 01 (một) xe mô tô 02 bánh biển số 63B4-837.07, hiệu VARIO, màu bạc đen. Số khung: MH1KF4122MK169553, số máy: KF41E2174170 do Nguyễn Thanh N đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy.

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu IPHONE XSMAX, màu vàng, số IMEI 353106103846240, số IMEI2: 353106103946826, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 11 PROMAX, màu xanh đen, số IMEI1: 3538961039318323, số IMEI2: 353896109110886, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu tím, số IMEI1: 866376046375975, số IMEI 2: 866376046375967, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen, số IMEI1: 860621057182778, số IMEI 2: 860621057182760, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen, số IMEI1: 864164042988039, số IMEI2: 864164042988021, đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TP theo Biên bản về việc giao nhận, vật chứng tài sản ngày 19/11/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TP và Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

### **3. Về án phí:**

- Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Buộc bị cáo Trương Quốc D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo Lương Thành P1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo Lê Thị Kim H1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

### **4. Về quyền kháng cáo:**

- Áp dụng các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo D, N, B, P1, H1 và những người có quyền lợi, nghĩa liên quan H2, T2, Y, X được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T3 được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi*



*hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND T. Tiền Giang;
- VKSND T. Tiền Giang;
- VKSND H. Tân Phước;
- Công an H. TP;
- CQ THAHS CAH. TP;
- CCTHADS H. TP;
- Người bào chữa;
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu HS, AV.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Hải Âu**